

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2019 (Tổng Giám đốc báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2019)

Thực hiện nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về việc triển khai thực hiện mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2018 của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty). Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư xây dựng (ĐT XD) và các hoạt động khác của Công ty trong năm 2018, thay mặt Ban điều hành, Tổng Giám đốc Công ty kính báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động năm 2018 và Kế hoạch (KH) nhiệm vụ năm 2019 của Công ty với các nội dung chính như sau:

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. Tình hình chung:

Năm 2018, công tác sản xuất điện của Nhà máy mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhất là vấn đề cung cấp nhiên liệu than trong Quý 4/2018, do các Nhà cung cấp than chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu vận hành của các tổ máy (TM) theo phương thức huy động của hệ thống điện. Tuy nhiên bằng sự cố gắng và thực hiện đồng bộ các giải pháp của Công ty, nên kết thúc năm 2018 sản lượng điện sản xuất của toàn Nhà máy đạt 6,98 tỷ kWh, bằng 103,4% so với KH năm 2018 và tăng 20,5% so với thực hiện năm 2017. Công tác sửa chữa lớn TM2 đã hoàn thành, đảm bảo tiến độ, chất lượng đề ra và hoàn thành thay roto máy phát TM4.

Về công tác đầu tư xây dựng: (i) Hồ sơ quyết toán Dự án NMNĐ Quảng Ninh 1 đã được EVNGENCO1 chấp thuận và trình EVN thẩm tra thông qua, trước khi HĐQT Công ty phê duyệt; (ii) Hồ sơ quyết toán Dự án NMNĐ Quảng Ninh 2 đã được đơn vị Tư vấn kiểm toán thẩm tra, phối hợp cùng Công ty hoàn thiện Báo cáo quyết toán và đã đệ trình EVNGENCO1 xem xét, thông qua; (iii) Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải đã hoàn thiện công tác lựa chọn Nhà thầu và sẵn sàng ký kết Hợp đồng với Nhà trúng thầu để thực hiện. Tuy nhiên do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa thông qua giá bán điện bổ sung, phát sinh do hình thành Dự án nên Dự án tạm thời chưa triển khai theo Kế hoạch đề ra.

Chi tiết kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm 2018 như sau:

II. Kết quả hoạt động SXKD:

1. Các chỉ tiêu chính trong SXKD

- Sản lượng điện sản xuất là 6,98 tỷ kWh, đạt 103,4% so với KH năm 2018, bằng 120,5% so với thực hiện năm 2017;
- Sản lượng điện thương phẩm là 6,32 tỷ kWh, đạt 103,5% so với KH năm 2018 và bằng 119,7% so với thực hiện năm 2017.
- Tổng doanh thu đạt 9.026,6 tỷ đồng, bằng 106,0% so với KH năm 2018.
- Tổng chi phí thực hiện là 8.463,6 tỷ đồng, bằng 103,7% so với KH năm 2018.
- Tổng lợi nhuận SXKD (chưa tính ảnh hưởng của CLTG) là 563 tỷ đồng, bằng 160,5% so với KH năm 2018.
- CLTG phát sinh trong kỳ và từ năm 2015 phân bổ sang là (287,8) tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận SXKD đã tính ảnh hưởng của CLTG trong kỳ và CLTG của năm 2015 phân bổ sang là 275,2 tỷ đồng.

(Chi tiết xem phụ lục 01 – Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2018)

2. Đánh giá kết quả thực hiện SXKD:

✓ **Về sản lượng điện:** Công ty đã tuân thủ phương thức điều độ, vận hành các Tổ máy đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát điện của Hệ thống điện. Trong năm, Nhà máy đã tận dụng tốt những thời điểm nhu cầu phụ tải tăng cao và giá thị trường cao để vận hành tối đa các TM nên kết thúc năm 2018, tổng sản lượng điện sản xuất của toàn Nhà máy năm 2018 đạt 6,98 tỷ kWh, bằng 103,4% so với KH năm và tăng 20,5% so với thực hiện năm 2017.

✓ **Về thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (KTKT):**

- Tỷ lệ điện tự dùng là 9,78% đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (9,92%) và PAGĐ (10,02 %).
- Suất tiêu hao dầu FO tính trên sản lượng điện bán là 2,48 g/kWh, chưa đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (2,0 g/kWh) và PAGĐ (2,3 g/kWh).
- Suất chi phí than là 805,73 đồng/kWh chưa đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (783,88 đồng/kWh) và PAGĐ (794,07 đồng/kWh).
- Hệ số khả dụng là 91,33% đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (89,86%).
- Tỷ lệ ngừng máy do sự cố là 2,30% đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (2,74%).
- Tỷ lệ ngừng máy do bảo dưỡng là 6,37% đạt so với chỉ tiêu KH năm 2018 (8,63%).

✓ **Về chỉ tiêu lợi nhuận:** Năm 2018, Công ty có lợi nhuận SXKD (chưa tính ảnh hưởng của CLTG) là 563 tỷ đồng, tăng 212,3 tỷ đồng so với Kế hoạch năm 2018 (trong đó: (i) Lợi nhuận sản xuất kinh doanh điện tăng 218,3 tỷ đồng;

(ii) Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng 3,5 tỷ đồng; (iii) Lợi nhuận khác giảm 9,4 tỷ đồng (do doanh thu bán tro bay thực tế thấp hơn KH đề ra). Sau khi tính ảnh hưởng của CLTG là 287,8 tỷ đồng, bao gồm: (i) hạch toán phân bổ CLTG năm 2015 là 128,9 tỷ đồng; (ii) lỗ CLTG năm 2018 là 158,9 tỷ đồng thì lợi nhuận SXKD còn lại là 275,2 tỷ đồng.

✓ **Những khó khăn, vướng mắc và một số yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu SXKD năm 2018:**

- Về giá bán điện của phân phát vượt Qc bình quân thực hiện năm 2018 là 1.163,69 đồng/kWh, mặc dù đã cao hơn suất chi phí biến đổi (865,07 đồng/kWh), nhưng chưa đạt so với dự kiến KH năm 2018 đề ra (1.250 đồng/kWh), gây ảnh hưởng không nhỏ đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

- Một số các chỉ tiêu KTKT như: Suất tiêu hao dầu FO, suất chi phí than ... chưa đạt so với mục tiêu kế hoạch đề ra của Công ty, nguyên nhân chủ yếu là do thời tiết khu vực nhà máy trong một số thời điểm khắc nghiệt dẫn đến lưu lượng nước vào kênh tuần hoàn không đủ làm thiếu nước làm mát cho các TM cùng với ảnh hưởng của đợt nắng nóng kéo dài trên diện rộng nên nhiệt độ nước làm mát đầu vào bình ngưng thường xuyên ở mức cao (từ 36⁰C ÷ 38⁰C), vượt quá nhiệt độ thiết kế nước làm mát đầu vào bình ngưng (max là 34⁰C), làm chân không bình ngưng tăng cao, vì vậy đã ảnh hưởng rất lớn, làm cho suất tiêu hao than, suất tiêu hao dầu FO tăng cao.

- Về số lần sự cố: Theo thống kê năm 2018, toàn Nhà máy đã xảy 10 lần sự cố do thiết bị mặc dù đã giảm 04 lần so với cùng kỳ năm 2017, tuy nhiên thực trạng vận hành của các thiết bị TM chưa thực sự ổn định, vẫn còn tồn tại nhiều khiếm khuyết, tiềm ẩn rủi ro cao, tần suất xảy ra sự cố nhiều như hệ thống ống sinh hơi, ống quá nhiệt, hệ thống máy nghiền than ... khi trực trực, sự cố gây ảnh hưởng giảm tải hoặc ngừng TM làm tăng suất tiêu hao than, dầu FO.

3. Tình hình tài chính:

Năm 2018, Công ty có lợi nhuận SXKD sau thuế là 275,2 tỷ đồng, như vậy đến ngày 31/12/2018 lỗ lũy kế còn lại là 499,4 tỷ đồng và khoản CLTG năm 2015 còn phân bổ năm 2019 là 128,9 tỷ đồng.

III. Công tác ĐTXD:

1. Công tác quyết toán Dự án hoàn thành

✓ *Dự án Nhà máy Quảng Ninh 1:* Năm 2018, Hồ sơ phê duyệt quyết toán hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh (Quảng Ninh 1) của Công ty đã được EVNGENCO1 chấp thuận và trình EVN xem xét, thông qua tại Văn bản số 3269/EVNGENCO1-TCKT ngày 26/10/2018. Báo cáo quyết toán vốn được Tổ công tác của EVN, EVNGENCO1 thực hiện thẩm tra từ ngày 26/11/2018 đến ngày 07/12/2018. Tổ thẩm tra EVN và Công ty đã họp vào ngày 08/12/2018 để rà soát thống nhất các nội dung còn tồn tại, cần bổ sung giải trình

làm rõ của Báo cáo quyết toán vốn dự án. Hiện nay, Tổ thẩm tra của EVN vẫn đang xem xét hồ sơ tài liệu lần cuối để hoàn thiện dự thảo Báo cáo thẩm tra, trước trình Hội đồng Thành viên EVN thông qua báo cáo quyết toán vốn.

✓ *Dự án Nhà máy Quảng Ninh 2*: Công ty đã lập báo cáo quyết toán vốn Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh 2. Sau khi mời và phối hợp với đơn vị Kiểm toán độc lập hoàn thành kiểm toán báo cáo quyết toán vốn. Hiện Công ty đã trình EVNGENCO1 thông qua quyết toán Dự án tại văn bản số 146/NĐQN-TCKT ngày 30/01/2019 với giá trị đề nghị quyết toán là 11.740 tỷ đồng. Tính đến thời điểm báo cáo, EVNGENCO1 đã thực hiện thẩm tra và đang hoàn thiện biên bản thẩm tra.

2. Tình hình triển khai Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh

Năm 2018 Công ty đã hoàn thành thương thảo hợp đồng và trình HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Dự án và chuẩn bị ký kết hợp đồng EPC của 02 gói thầu số 5- Thiết kế cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện ESP và gói thầu số 6 - Thiết kế cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống khử khí NOx. Tuy nhiên, Công ty chưa thể ký kết các Hợp đồng EPC với các Nhà trúng thầu, do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa thông qua giá bán điện bổ sung, phát sinh do hình thành Dự án.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo 384/TB-VPCP ngày 02/10/2018 của Phó Thủ tướng CP, văn bản 5289/EVN-ĐT ngày 18/10/2018 của EVN, văn bản 3261/EVNGENCO1-QLĐT ngày 26/10/2018 của EVNGENCO1. Công ty đã thực hiện rà soát lại toàn bộ các công việc của Dự án và các gói thầu đã triển khai của dự án, xem xét đánh giá chi phí Dự án đã thực hiện và chi phí dự kiến của các nhà thầu. Ngày 14, 15/11/2018, Công ty đã tổ chức các buổi họp và làm việc với các Nhà thầu đã được xếp hạng của các gói thầu EPC và ngoài EPC để phổ biến tình hình dự án. Các nhà thầu đều đồng tình, thống nhất với chủ trương và chờ ý kiến chính thức về Dự án của Cấp có thẩm quyền Nhà nước, để triển khai các thủ tục tiếp theo.

3. Công tác giải ngân vốn đầu tư xây dựng:

Công ty đã cân đối sử dụng nguồn vốn và thực hiện thanh quyết toán các Hợp đồng EPC và ngoài EPC với giá trị là 43,8 tỷ đồng, đạt 16,2% so với KH.

IV. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ quản trị khác:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề án nâng cao hiệu quả SXKD và năng suất lao động: Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1646/QĐ-NĐQN ngày 13/10/2016. Kết thúc năm 2018, về cơ bản Công ty thực hiện các chỉ tiêu đạt so với mục tiêu đề án đề ra.

2. Công tác vận hành thị trường điện: Công ty luôn chú trọng bám sát diễn biến Thị trường điện, huy động của các hồ thủy điện và tình hình diễn biến

của thời tiết, phương thức huy động trên Hệ thống điện, để chủ động, linh hoạt trong chào giá, đảm bảo các TM vận hành an toàn, ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế và thực hiện đúng các quy trình, quy định của Thị trường điện. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã chủ động lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu, bám sát và đôn đốc Công ty mua bán điện nhằm đẩy nhanh thanh toán tiền bán điện hàng tháng.

3. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng các TM:

- *Công tác sửa chữa thường xuyên:* Bộ phận sửa chữa của Công ty phối hợp tích cực với Đơn vị sửa chữa thuê ngoài nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên và sự cố thiết bị, đảm bảo không vi phạm quy định thời gian sửa chữa. Hiện Công ty đang sắp xếp, củng cố vai trò và lộ trình nâng cao năng lực bộ phận sửa chữa để tăng dần tỷ lệ Công ty tự thực hiện, giảm tỷ lệ thuê Đơn vị ngoài sửa chữa xuống dưới 50%.

- *Công tác sửa chữa lớn (đại tu) theo KH:* Năm 2018, Công ty đã phối hợp với các Nhà thầu hoàn thành công tác đại tu TM2 đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra (60 ngày). Đối với công tác quyết toán SCL các hạng mục/công trình: Công ty đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán các hạng mục công trình, đồng thời thuê Tư vấn kiểm toán thẩm tra, xác định giá trị quyết toán và được HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán với giá trị (đã bao gồm VAT) là 154,09 tỷ đồng.

4. Công tác mua sắm nguyên nhiên liệu, VTTB phục vụ sản xuất điện năm 2018:

✓ *Về tình hình cung cấp than của các Nhà cung cấp:* Thực hiện các Hợp đồng mua bán than năm 2018 với Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Tổng Công ty Đông Bắc, trong năm 2018 tổng khối lượng than nhập của các Nhà cung cấp là 3,36 triệu tấn. Mặc dù khối lượng than cung cấp này đã đảm bảo đủ và vượt theo quy định của HĐ than đã ký, nhưng không đủ đáp ứng cho nhu cầu vận hành của các Tổ máy theo phương thức huy động của hệ thống điện Quốc gia... Điều này dẫn đến Công ty phải dừng vận hành một số TM tại một số thời điểm do thiếu than và đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình vận hành sản xuất điện của Nhà máy.

✓ *Công tác đấu thầu phục vụ sản xuất năm 2018:* Trong năm 2018, trên cơ sở kế hoạch lựa chọn Nhà thầu (KH LCNT) được HĐQT Công ty phê duyệt, Công ty đã chủ động khẩn trương triển khai công tác LCNT và hoàn thành việc ký kết hợp đồng với các Nhà thầu trúng thầu với tiến độ cung cấp các VTTB và dịch vụ nhân công sửa chữa đáp ứng kịp thời yêu cầu cho SCTX và SCL. Công tác LCNT đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch, cạnh tranh và tuân thủ theo quy trình của Luật đấu thầu. Kết quả cụ thể như sau:

- Tổng giá trị gói thầu đã tổ chức đấu thầu và có kết quả LCNT là 60 gói thầu, với giá trị là: 466,44 tỷ đồng;

- Tổng giá trị trúng thầu (60 gói thầu) là: 405,08 tỷ đồng;
- Số tiền (chênh lệch) giảm giữa giá gói thầu và giá trúng thầu là: 61,4 tỷ đồng (tương đương 13,2 %).

5. Công tác cải thiện tình hình tài chính:

Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật: (i) chú trọng công tác tối ưu hoá hàng tồn kho, xây dựng định mức hàng tồn kho tối ưu, phân loại lại danh mục hàng tồn kho theo thông tư 200/TT-BTC; (ii) chú trọng công tác thanh xử lý TSCĐ, vật tư, phân loại vật tư kém mất phẩm chất, không cần dùng bán thanh lý thu hồi vốn phục vụ SXKD; (iii) chú trọng công tác quản trị dòng tiền: thực hiện xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng tháng, quý, năm; bám sát việc thu hồi công nợ tiền điện, không phát sinh vay vốn lưu động; (iv) thực hiện tốt công tác kiểm kê định kỳ vào cuối mỗi quý và cuối năm.

6. Công tác quản trị nội bộ:

- Công tác rà soát, hoàn thiện bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ: Năm 2018, Công ty tiếp tục hệ thống hóa, ban hành, sửa đổi bổ sung thêm 34 bộ Quy chế, Quy định. Các Quy chế, Quy định xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tế, tạo cơ sở pháp lý cần thiết, đầy đủ trong công tác quản lý điều hành.

- Công tác quản trị lao động, bố trí sử dụng lao động hợp lý hiệu quả: Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh và tái cơ cấu mô hình tổ chức hoạt động các bộ phận trong Công ty để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động. Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý điều hành công việc. Xây dựng phương án mô hình tổ chức Công ty theo hướng chuyên môn hóa, hoạt động hiệu quả và phù hợp trong cơ chế thị trường điện.

7. Thực hiện chủ đề năm 2018 của EVN “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”.

Công ty luôn quan tâm đúng mức, thường xuyên theo quy định và coi đó là yếu tố quan trọng để Công ty nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong năm 2018, Công ty đã cử cán bộ quản lý đương nhiệm và quy hoạch tham gia các khóa học theo các chương trình của EVN, EVNGENCO1 nhằm nâng cao năng lực quản trị của cán bộ quản lý và quy hoạch. Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát lại các chương trình đào tạo, biên soạn và ban hành bộ đề thi trắc nghiệm cho từng chức danh trong Công ty, tổ chức thi sát hạch chuyên môn cho toàn thể CBCNV Công ty trên phần mềm máy vi tính, đảm bảo đánh giá được năng lực chuyên môn các chức danh khách quan, minh bạch.

8. Công tác bảo vệ môi trường:

Công tác quản lý và bảo vệ môi trường (BVMT) của Công ty được đặc biệt chú trọng, phát triển SXKD gắn liền với công tác bảo vệ môi trường theo đúng chủ trương, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Trong năm 2018, Công ty tiếp

tục tăng cường, nâng cao nhận thức, gắn trách nhiệm của CBCNV với công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ nghiêm các quy định về môi trường hiện hành. Kết quả Công ty không để xảy ra vấn đề vi phạm môi trường.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2019

Năm 2019 được đánh giá sẽ là năm có nhiều khó khăn, thách thức tác động đối với Công ty trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao do dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện năm tiếp tục tăng, trong đó các Nhà máy nhiệt điện than sẽ được huy động với công suất cao trong khi việc cung ứng than của các Nhà thầu cho sản xuất điện dự kiến ngày càng khó khăn, không đủ đáp ứng nhu cầu trong những năm tới. Với phương châm vượt mọi khó khăn để hoàn thành kế hoạch, Công ty đã triển khai xây dựng và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho năm kế hoạch 2019 như sau:

I. Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm:

1. Hoàn thành Kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2019 của Công ty. Đảm bảo hoạt động SXKD điện có lãi ở mức hợp lý.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án nâng cao hiệu quả SXKD, năng suất lao động giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty. Nghiên cứu xây dựng và đưa vào áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động, lành mạnh tình hình tài chính của Công, các chỉ tiêu phấn đấu như sau:

- Hệ số khả dụng là 88,63%;
- Tỷ lệ dừng máy do sự cố là 2,74%;
- Tỷ lệ dừng máy do bảo dưỡng là 8,63%;
- Tỷ lệ tự dừng là 9,92%;
- Suất hao nhiệt là 10.770,51 KJ/kWh.

3. Triển khai và thực hiện có hiệu quả chủ đề năm 2019 của EVN ***“Nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điện và thị trường điện”***.

4. Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, quản lý cấp phát vật tư. Hạn chế tối đa khối lượng vật tư không luân chuyển để tránh đọng vốn SXKD.

5. Rà soát, khảo sát lại thực trạng vận hành của các Hệ thống thiết bị trong danh mục SCL năm 2019, xác định các Hệ thống thiết bị cần thiết phải triển khai Đại tu/Sửa chữa, bảo dưỡng trong năm 2019. Trên cơ sở đó, tiến hành các thủ tục theo quy định, trình các Cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, đảm bảo các hệ thống thiết bị vận hành an toàn, ổn định.

6. Hoàn thành công tác đại tu (sửa chữa lớn) các hạng mục công trình trong kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019 đảm bảo chất lượng và tiến độ.

7. Chuẩn bị các điều kiện để tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

1. Đối với kế hoạch SXKD năm 2019:

- Sản lượng điện sản xuất: 7,2 tỷ kWh;
- Sản lượng điện thương phẩm: 6,515 tỷ kWh;
- Tổng doanh thu: 9.251,5 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 8.887,5 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận: 364 tỷ đồng.

2. Đối với kế hoạch ĐTXD năm 2019:

Tổng giá trị đầu tư (nguồn vốn huy động) năm 2019 của Công ty là 140,9 tỷ đồng, bao gồm: (i) từ nguồn vốn vay là 124,2 tỷ đồng; (ii) từ nguồn vốn tự có là 16,7 tỷ đồng, trong đó:

- Giá trị giải ngân còn lại cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh 1, Quảng Ninh 2 trong năm 2019 là 129,9 tỷ đồng;

- Giá trị dự kiến giải ngân cho Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy (trong trường hợp được các Cấp thẩm quyền Nhà nước phê duyệt bổ sung giá bán điện do hình thành từ dự án) là 10 tỷ đồng;

- Giá trị dự kiến giải ngân cho Dự án tăng hiệu suất phát tán nhiệt hệ thống nước xả làm mát tuần hoàn là 1 tỷ đồng.

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Đảm bảo các Tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện khi có yêu cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh điện có lợi nhuận:

- **Đảm bảo nguồn cấp than ổn định, đầy đủ:** Phối hợp chặt chẽ với các Nhà cung cấp than, đảm bảo cấp đủ than theo kế hoạch sản xuất điện; Duy trì mức tồn kho than ở mức hợp lý vào từng thời điểm và xây dựng giải pháp quản trị nhiên liệu than hiệu quả.

- **Các Tổ máy phát điện có độ sẵn sàng cao:** (i) Thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên; cung cấp vật tư thiết bị kịp thời, chất lượng phục vụ sửa chữa thường xuyên; (ii) Nâng cao khả năng nắm bắt, ngăn ngừa sự cố thiết bị, đẩy nhanh tiến độ, chất lượng công tác sửa chữa, xử lý sự cố thiết bị; (iii) Tập trung nhân lực tốt nhất để rút ngắn tiến độ, đảm bảo chất lượng trong quá trình khắc phục các sự cố thiết bị.

- **Thực hiện tốt công tác thị trường điện:** (i) Thường xuyên giám sát tình hình vận hành trên hệ thống, lập kế hoạch chi tiết cho từng ngày, tuần và tháng để triển khai đến tận ca vận hành và các bộ phận liên quan cùng thống nhất thực hiện theo phương thức thị trường điện; (ii) Thực hiện công tác chào giá, đảm bảo tiêu chí “*chỉ phát điện khi bán có lãi hoặc thấp nhất là đủ chi phí biến đổi*”

thực tế, không phát sinh sản lượng điện phát thừa không có thu hoặc bị phạt do không đủ sản lượng theo bản chào”.

2. Hoàn thành các chỉ tiêu về ĐTXD:

- Hoàn thành công tác quyết toán Dự án Quảng Ninh 1, Quảng Ninh 2;
- Thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo đảm bảo môi trường tại nhà máy;
- Hoàn thành toàn bộ các tồn tại, vướng mắc trong việc giải quyết công tác xin giao đất chính thức các hạng mục của Nhà máy.

3. Nâng cao năng lực quản trị của Công ty:

- Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý điều hành công việc.
- Hoàn thành việc triển khai kiện toàn cơ cấu mô hình tổ chức, sắp xếp định biên lao động các đơn vị.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục công tác luân chuyển các cán bộ trong quy hoạch nhằm đào tạo các cán bộ quy hoạch tại các vị trí công việc khác nhau;
- Tổ chức công tác đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực công việc khác nhau, có năng lực giải quyết các công việc khó và mới;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các hoạt động của Công ty.

5. Đảm bảo nguồn vốn của Công ty:

- Tích cực tham gia thị trường điện nhằm tăng doanh thu bán điện so với doanh thu theo hợp đồng mua bán điện;
- Tiếp tục triển khai chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí giai đoạn 2016-2020;
- Triển khai thực hiện kiểm soát, quản trị chi phí trong sản xuất kinh doanh, tập trung vào các nội dung: (i) Xây dựng và ban hành áp dụng đầy đủ các định mức kinh tế kỹ thuật các tổ máy phát điện, tập trung vào các định mức có ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất điện (định mức SCL các Tổ máy nhiệt điện; định mức tiêu hao than, dầu, vật liệu phụ..); (ii) Tăng cường kiểm soát phương án kỹ thuật và dự toán trong SCL, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

6. Quan tâm và giải quyết thỏa đáng các quyền lợi, chế độ chính sách và các kiến nghị chính đáng của người lao động. Thực hiện đồng bộ công tác tiền lương cho người lao động theo hướng tiền lương gắn liền với hiệu quả và năng suất lao động.

7. Tăng cường và thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở để phát huy quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất của người lao động. Tiếp tục thực hiện tốt công tác ATVSLĐ-PCCN, không để xảy ra tai nạn lao động. Thực hiện tốt các công tác phòng chống bão lũ, công tác bảo hộ lao động, cải thiện môi

trường và điều kiện làm việc cho người lao động. Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên để tổ chức các hoạt động trong phong trào thi đua ca vận hành an toàn, kinh tế, tạo môi trường làm việc Xanh – Sạch – Đẹp. Tăng cường và nâng cao ý thức kỷ luật trong vận hành và sửa chữa.

8. Quản lý chặt chẽ các khoản mục chi phí phát sinh trong năm kế hoạch trên cơ sở các mục tiêu tối ưu hóa theo Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Công ty giai đoạn 2016-2020.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 của Công ty. Kính mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo và ý kiến thông qua của các Cổ đông để Công ty có cơ sở triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ Kế hoạch năm 2019 được giao./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để b/c);
- HĐQT Công ty (để b/c);
- BKS Công ty (để b/c);
- Các PTGD (để chỉ đạo thực hiện);
- Các Phòng ban, PX (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Sinh Nghĩa

PHỤ LỤC 01

Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	TH năm 2017	Tỷ lệ TH với KH năm	Tỷ lệ TH năm 2018/ năm 2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5/4)	(8=5/6)
I	Chỉ tiêu sản xuất điện						
1	Sản lượng điện SX	Tr.kWh	6.749,63	6.980,58	5.791,55	103,4%	120,5%
2	Sản lượng điện bán EVN	Tr.kWh	6.107,48	6.321,83	5.281,85	103,5%	119,7%
3	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,92	9,78	9,72	Đạt	
4	Suất chi phí than	đồng/kWh	783,88	805,73	775,03	Chưa đạt	
5	Suất tiêu hao dầu FO	g/kWh	2,0	2,48	2,25	Chưa đạt	
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.515,2	9.026,6	8.301,6	106%	108,7%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	8.164,5	8.463,6	7.484,2	103,7%	113,1%
IV	Lợi nhuận SXKD chưa tính ảnh hưởng của CLTG	Tỷ đồng	350,7	563,0	817,4	160,5%	68,9%
V	Chênh lệch tỷ giá	Tỷ đồng		(287,8)	(108,5)		
1	CLTG phát sinh trong kỳ	Tỷ đồng	-	(158,9)	20,4	-	
2	CLTG năm 2015 phân bổ vào kết quả năm 2018	Tỷ đồng	-	(128,9)	(128,9)	-	
VI	Lợi nhuận SXKD đã tính ảnh hưởng của CLTG	Tỷ đồng	-	275,2	708,9	-	38,7%

K.C.P.
H.M.V.